

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây

Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú, Kiểm sát viên

Trong các ngày 15 và 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 3 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 32/2023/TB-TA ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/HSST- QĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

- Thạch Thị V, sinh năm 1990; tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: ấp BDB, xã ATh2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện tại ấp VRA, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch D, sinh năm 1966 và bà **Danh** Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có chồng đã ly hôn và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; Bị khởi tố ngày 28/7/2022 và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 02/8/2022 cho đến nay, có mặt.

- Thạch Thị Sâm N, sinh ngày 01/01/1995; tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp BM, xã ĐCh, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch R, sinh năm 1967 và bà Danh Thị U, sinh năm 1969; bị cáo có chồng đã ly hôn và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; Bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022 đến ngày 11/10/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam đến nay, có mặt.

- Kim Hoài B, sinh năm 1995; tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp TrTr, xã HG, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Ngọc Th, sinh năm 1968 và bà Tăng Thị V, sinh năm 1968; bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Lâm Hồng H; có 02 người con; tiền án: (01 tiền án) ngày 18/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh kết án 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 05/6/2021; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2014 và năm 2018 bị Công an huyện TrC xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích cho người khác, năm 2017 Công an huyện TrC xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, năm 2019 năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh kết án 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” chưa được xóa án tích, ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện TrC áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng; Bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 16/6/2022 cho đến nay, có mặt.

- Lâm Hồng H, sinh ngày 11/7/1995; tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp TrTr, xã HG, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T (chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Kim Hoài B; có 04 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; Bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022 cho đến nay, có mặt.

- Nguyễn Hữu L, sinh ngày 11/7/1988; tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Kh4, thị trấn CQ, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1965; bị cáo có vợ đã ly hôn; có 02 người con; tiền án: 01 tiền án, ngày 29/4/2020, bị Tòa án nhân dân huyện TrC kết án 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo L chấp hành xong án phạt tù vào ngày 06/12/2021; tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị Tòa án kết án chưa được xóa án tích; Bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 27/9/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị V:* Ông Nguyễn Thế Th, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Dương Gia – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ 248/7 Nguyễn Văn Khôi, phường 9, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Sâm N:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Kim Hoài B:* Bà Trần Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nhan Tí, sinh năm 2000. Nơi thường trú: ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Anh Ngô Văn Hảo, sinh năm 1998. Nơi thường trú: ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt

- *Người phiên dịch*: Ông Thạch Dân, sinh năm 1957. Địa chỉ kh5, thị trấn TrC, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Kim Hoài B và bị cáo Lâm Hồng H sống chung như vợ chồng tại nhà thuộc ấp TrTr, xã HG, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Nguyễn Hữu L là bạn của bị cáo B và bị cáo H. Khoảng cuối tháng 5/2022 bị cáo L đến ở nhờ tại nhà của hai vợ chồng bị cáo H. Chiều tối ngày 12/6/2022, tại phòng ở của bị cáo B và bị cáo H thì bị cáo L lấy một gói ma túy của mình (theo lời khai của bị cáo L do bạn gái là bị cáo Thạch Thị V cho ngày 12/6/2022 để sử dụng) và nhắn tin kêu bị cáo B đem cái bình sử dụng ma túy vào phòng để thử ma túy, bị cáo B mang bình sử dụng ma túy của mình vào phòng cùng sử dụng ma túy với bị cáo L. Khi sử dụng ma túy xong, bị cáo L trực tiếp chiết số ma túy còn lại cho vào 08 (tám) đoạn ống nhựa có sọc màu xanh, đỏ và để tất cả vào cái hộp màu trắng của bị cáo L sau đó để vào ngăn tủ dưới bàn trong phòng khách phía trước nhà của bị cáo H, bị cáo B.

Ngày 13/6/2022, bị cáo V muốn đến nhà của bị cáo H, B chơi nên bị cáo L nói với bị cáo B, H là tối có bị cáo V đến chơi, bị cáo H, B đồng ý cho bị cáo V đến. Bị cáo L nhắn tin kêu bị cáo V mang ma túy cho vợ, chồng bị cáo B, bị cáo H sử dụng. Sau đó, bị cáo V được bạn là bị cáo Thạch Thị Sâm N chở đến nhà của bị cáo H bằng xe mô tô của bị cáo V biển kiểm soát: 83D1-156.96, nhãn hiệu Honda Air Blade (trước đó ngày 12/6/2022 bị cáo V, N cũng đã đến nhà bị cáo H, B một lần). Trên đường chạy xe chưa đến nhà bị cáo H, bị cáo V ngồi sau lấy 02 gói nhựa màu trắng và ống thủy tinh, bên trong các gói nhựa và nỏ (ống thủy tinh) đều có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy để vào trong áo ngực của bị cáo N nhờ cất giữ dùm. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo V, N đến nhà bị cáo H, bị cáo N có nói với bị cáo V “đồ (các gói ma túy và cây nỏ) của chị nè để cốp xe đi”, bị cáo V trả lời “em cứ giữ đi không sau đâu”. Sau đó, cả hai được bị cáo L ra mở cửa, mời vào phòng khách, lúc này tại nhà bị cáo H, ngoài bị cáo H, bị cáo L, còn có Nhan Tí, sinh năm 2000, nơi thường trú: ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (Tí là bạn của bị cáo B đến chơi).

Khi vào nhà, bị cáo V hỏi “bình đâu”, tức hỏi bình để sử dụng ma túy thì bị cáo H, B cùng trả lời và chỉ để dưới bàn, bị cáo V lấy bình để lên bàn, bị cáo V nói với bị cáo N “lấy đồ ra chơi”- tức kêu bị cáo N lấy ma túy mà bị cáo N cất giữ dùm lúc trên xe mô tô, ra sử dụng, bị cáo N mới lấy trong áo ngực của mình ra 01 gói ma túy đưa cho bị cáo V, sau đó bị cáo V chiết ma túy ra một gói nhựa khác, phần gói ma túy còn lại thì bị cáo V đưa cho bị cáo N tiếp tục cất giấu trong áo ngực để dành sử dụng cho những ngày kế tiếp, còn gói ma túy vừa chiết ra thì bị cáo V đưa cho bị cáo L và kêu bị cáo L đổ ra chơi, bị cáo L trực tiếp cầm gói ma túy mà bị cáo V vừa đưa đổ một ít vào trong ống thủy tinh và dùng các hột quẹt của bị cáo B để đốt (nấu), phần ma túy còn lại, bị cáo L để trên bàn, sau đó 06 người bắt đầu sử dụng. Quá trình sử dụng ma túy, bị cáo V nhắn tin cho bị cáo L “giờ em đưa đồ cho nó

nhe”, bị cáo L nhấn trả lời “ừ, nói là gửi vợ chồng nó chơi”. Khi 06 người sử dụng ma túy xong một lượt thì có anh Ngô Văn Hảo, sinh năm 1998, cùng địa chỉ với Tí, đến hỏi bị cáo B về chuyện cho tôm ăn, thấy mọi người đang sử dụng ma túy và cũng được rủ nên Hảo cùng ngồi vào bàn để sử dụng. Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện TrC phát hiện, bắt quả tang.

Tại hiện trường, lực lượng công an thu giữ trên bàn nhà trước bị cáo H: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa trong suốt, có nắp bằng nhựa màu đen, trên nắp có gắn một ống nhựa màu trắng, 01 ống thủy tinh; 01 gói nhựa trong suốt có viền màu trắng, kích thước dài 07cm, rộng 04cm, (bên trong nỏ, gói nhựa đều có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy); 01 bật lửa màu vàng; 01 bật lửa có gắn ống kim loại. Trong ngăn tủ dưới bàn (ngay vị trí của bị cáo L, bị cáo V ngồi sử dụng ma túy) thu giữ của bị cáo L 01 hộp nhựa màu trắng, bên trong có 08 đoạn ống nhựa đều được hàn kín hai đầu, gồm: 04 (bốn) đoạn có sọc màu xanh, 04 đoạn có sọc màu đỏ, tất cả bên trong các đoạn ống nhựa đều có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi ma túy. Ngoài ra, bị cáo N còn tự nguyện lấy trong áo ngực ra giao 02 gói nhựa màu trắng và 01 ống thủy tinh, bên trong các gói nhựa, nỏ (ống thủy tinh) đều có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy của bị cáo V gởi bị cáo N cất giữ dùm lúc trên xe.

Quá trình khám xét tại nhà của bị cáo H, B (địa điểm bắt quả tang), lực lượng công an còn thu giữ ở trong phòng thứ nhất (tính từ ngoài đi vào) 01 cây kéo bằng kim loại và nhiều ống hút bằng nhựa có màu sắc khác nhau. Ngay sau khi tạm giữ được những đồ vật trên, công an huyện TrC tiến hành lập biên bản niêm phong để đảm bảo công tác giám định đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các bản kết luận giám định số: 339, 340/KL-KTHS cùng ngày 16/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

+ Gói 01: Tinh thể chứa trong 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng (thu giữ trên bàn tại hiện trường), được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0418 gam.

+ Gói 02: Tinh thể rắn chứa trong 01 gói nhựa (thu giữ trên bàn tại hiện trường), được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,4368 gam.

+ Gói 03: Tinh thể chứa trong 08 đoạn ống nhựa (thu trong ngăn tủ dưới bàn tại hiện trường) được niêm phong gửi giám định đều là Ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,0267 gam.

+ Tinh thể chứa trong 02 gói nhựa (thu giữ của bị cáo N), được niêm phong gửi giám định đều là Ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 3,0104 gam.

+ Tinh thể chứa trong 01 ống thủy tinh (thu giữ của bị cáo N), không rõ hình dạng được niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0143 gam.

Về nguồn gốc chất ma túy: Bị cáo V không thừa nhận hành vi của mình, không thừa nhận có cho ma túy để bị cáo L tàng trữ nhằm sử dụng; không thừa nhận có gửi, giao ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho bị cáo N cất giữ dùm và không có

thừa nhận cung cấp ma túy để bị cáo L và mọi người sử dụng trong tối ngày 13/6/2022. Trong ngày 23/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện TrC ra các Quyết định tạm giữ những đồ vật, tài liệu gồm:

+ Tạm giữ của bị cáo Kim Hoài B: Tổng khối lượng chất ma túy sau giám định là 1,4335 gam (trong đó có phần ma túy của bị cáo L sau giám định là 1.0039 gam); 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng; 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, đang sử dụng 02 sim số: 0933060119; 0977402220; 01 ĐTDD nhãn hiệu IPAD, không có sim; 01 bật lửa màu vàng; 01 bật lửa có gắn ống kim loại; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa trong suốt, có nắp bằng nhựa màu đen, trên nắp có gắn một ống nhựa màu trắng); 01 hộp nhựa màu trắng; 08 (tám) đoạn ống nhựa và số tiền 500.000 đồng.

+ Tạm giữ của bị cáo Thạch Thị Sâm N: 01 ĐTDD nhãn hiệu Samsung, màu vàng, không có sim; 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng; 01 nắp nhựa màu đỏ, trên nắp có gắn một ống nhựa màu trắng; 01 khẩu trang màu trắng – xanh và chất ma túy sau giám định có khối lượng 2,9900 gam.

+ Tạm giữ của bị cáo Lâm Hồng H: 01 cây kéo bằng kim loại và nhiều ống nhựa (ống hút) có kích thước, màu sắc khác nhau.

+ Tạm giữ của bị cáo Thạch Thị V: 01 ĐTDD nhãn hiệu IPHONE X màu trắng, có số IMEI: 356720088552887712, đang sử dụng sim số: 0938.289233 và 01 xe mô tô biển kiểm soát: 83D1 - 156.96, nhãn hiệu HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: xanh – đen – bạc.

+ Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hữu L: 01 ĐTDD nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, đang sử dụng sim số: 0967937224.

Đến ngày 27/6/2022 Cơ quan điều tra đã ra các quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: Trao trả cho bị cáo N 01 ĐTDD nhãn hiệu Samsung, màu vàng; trả cho bị cáo B số tiền 500.000 (năm trăm nghìn đồng) và trả cho bị cáo H 01 ĐTDD nhãn hiệu IPAD. Riêng các vật chứng còn lại được quản lý tại kho vật chứng thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện TrC.

Riêng đối với Nhan Tí và Ngô Văn Hào có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy do các bị cáo tổ chức. Nên vào ngày 14/6/2022, Công an huyện TrC đã ra quyết định xử phạt hành chính mỗi người số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS-HS, ngày 18/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N và Nguyễn Hữu L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L, Thạch Thị Sâm N trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Thạch Thị V cho rằng có đến nhà bị cáo Kim Hoài B và bị cáo Lâm Hồng H ngày 12/6/2022 là để thăm con bị cáo B chứ không phải đến giao ma túy cho L như bị cáo L trình bày;

thừa nhận ngày 13/6/2022 có đến nhà bị cáo B và có cùng sử dụng ma túy chung với các bị cáo khác trong vụ án và anh Nhan Tí, anh Ngô Văn Hảo thì bị bắt quả tang. Tuy nhiên, bị cáo V cho rằng bị cáo không đi cùng xe với bị cáo Sâm N đến nhà bị cáo B vào các ngày 12 và ngày 13 tháng 6 năm 2022. Bị cáo V trình bày thừa nhận có nhắn tin với bị cáo L như các nội dung lưu trong Zao, nhưng bị cáo không có đem ma túy theo cho vợ chồng bị cáo B như những nội dung tin nhắn đã nói với bị cáo L. Đối với ma túy sử dụng ngày 13/6/2022 của ai thì bị cáo không biết; bị cáo V cho rằng chỉ quen bị cáo Sâm N, bị cáo Nguyễn Hữu L qua mạng xã hội Facebook và chỉ mới gặp mặt trực tiếp đêm 13/6/2022 thì bị bắt khi sử dụng ma túy chung.

Qua lời khai của bị cáo V thì bị cáo Nguyễn Hữu L trình bày: Bị cáo quen biết bị cáo V khoảng 01 tháng trước khi bị bắt, đã gặp bị cáo V 03 đến 04 lần. Số ma túy bị cáo sử dụng ngày 12/6/2022 cùng với bị cáo Kim Hoài B là của bị cáo V cho bị cáo vào ngày 12/6/2022 khi bị cáo V đến nhà bị cáo B và số ma túy còn lại bị cáo chiết ra 08 đoạn ống nhựa để trong hộp cất giấu ở dưới bàn trong phòng khách nhà bị cáo H và đã bị Công an thu giữ đêm 13/6/2022 khi bị bắt quả tang. Đêm 13/6/2022 do có hẹn trước nên khi bị cáo V và Sâm N đến nhà bị cáo B thì bị cáo là người ra mở cửa thì nhìn thấy bị cáo Sâm N và bị cáo V đi cùng nhau, bị cáo Sâm N là người dẫn xe của bị cáo V vào nhà của bị cáo B. Khi vào đến nhà bị cáo B, bị cáo H thì bị cáo V nói “đồ đồ ra chơi” và bị cáo nhìn thấy bị cáo Thạch Thị Sâm N đưa ma túy cho V và V đưa cho bị cáo bỏ vào bình đốt lên cùng sử dụng. Đối với các nội dung tin nhắn nói chuyện qua lại trong Zalo giữa bị cáo và bị cáo V là đúng sự thật.

Bị cáo Thạch Thị Sâm N trình bày: Trước khi bị bắt 01 tuần bị cáo có đến nhà mẹ ruột của bị cáo V chơi (có gặp mẹ bị cáo V). Sau đó vào đêm 13/6/2022 bị cáo và bị cáo V cùng đến nhà nghỉ B Trang thuê nhà nghỉ, bị cáo đưa giấy tờ tùy thân cho bị cáo V để bị cáo V đăng ký với chủ nhà nghỉ, sau đó cả hai cùng đi đến nhà bị cáo B bằng xe mô tô của bị cáo V. Khi đi bị cáo điều khiển xe, bị cáo V ngồi sau và trên đường đi bị cáo V có nhét vào áo ngực bị cáo 01 cái nỏ gói trong khẩu trang màu xanh và 01 bịch ma túy kê bị cáo cất dùm bị cáo V. Khi đến nhà bị cáo B thì bị cáo có trả lại gói ma túy cho bị cáo V nhưng V vẫn kê giữ dùm. Sau đó khi vào nhà của B và H thì bị cáo V hỏi “bình đâu” tức hỏi dụng cụ sử dụng ma túy đá thì có người nói là ở dưới bàn. Sau đó bị cáo V kê bị cáo đưa ma túy mà V nhờ bị cáo cất dùm ra chơi, khi lấy ma túy ra đưa cho V thì bị cáo V tự chiết ra và đưa cho L nấu lên sử dụng chung 07 người, số ma túy còn lại thì V đưa lại cho bị cáo cất vào áo ngực. Khi Công an bắt quả tang thì bị cáo có đưa số ma túy ra giao nộp cho Công an.

Bị cáo Kim Hoài B trình bày: Bị cáo có biết bị cáo V trước nhưng chưa gặp trực tiếp, bị cáo chỉ gặp V tại nhà của vợ chồng bị cáo vào ngày 12 và ngày 13/6/2022. Đêm 13/6/2022 khi V đến nhà của bị cáo chơi thì V có hỏi “bình đâu” tức hỏi dụng cụ sử dụng ma túy đá ở đâu thì bị cáo chỉ là bị cáo để ở dưới bàn trong phòng khách. Sau đó thì bị cáo có sử dụng ma túy chung với những người có mặt, còn ma túy đem ra sử dụng của ai thì bị cáo không rõ.

Bị cáo Lâm Hồng H trình bày: Ngày 12/6/2022 bị cáo V có đến nhà bị cáo chơi 01 lần, nhưng chỉ ngồi uống nước (V đến không phải mục đích thăm con của bị

cáo mà đến tìm bị cáo L). Ngày 13/6/2022 thì bị cáo L có hỏi vợ chồng bị cáo xin cho bị cáo V đến nhà chơi thì bị cáo đồng ý. Khi bị cáo V vào đến nhà (phòng khách) thì bị cáo V hỏi “bình đâu” tức hỏi dụng cụ sử dụng ma túy đá và bị cáo V quay sang hỏi Sâm N hỏi “đồ đâu”, Sâm N đưa bật đồ cho V, sau đó V đưa cho L nấu lên cùng sử dụng chung thì bị bắt.

Những người làm chứng Ngô Văn Hảo có mặt tại phiên tòa trình bày: Xác nhận ngày 13/6/2022 có sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà bị cáo H thì bị bắt quả tang. Người làm chứng anh Nhan Tí trình bày: Anh không quen biết bị cáo V từ trước; đêm 13/6/2022 anh đến nhà bị cáo B trước, sau đó thì thấy V đi cùng bị cáo L và Sâm N từ ngoài sân đi vào nhà (không biết V và N có chung xe hay không). Khi vào trong nhà của B thì V có hỏi đồ nghề đâu, B nói ở dưới bàn, V lấy bình sử dụng ma túy ra đưa cho L chùi. Sau đó nghe bị cáo V kêu bị cáo Sâm N đưa bật gì đó cho V và V kêu L đổ đồ vào chơi. Sau khi đưa cho L đổ vào bình để sử dụng thì anh có nhìn thấy V đưa cho Sâm N cái gì không rõ và kêu Sâm N cất giữ dùm, còn ma túy đó nguồn gốc là của ai thì anh Nhan Tí trình bày không biết.

Phần luận tội, sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu chứng minh cho hành vi phạm tội của từng bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm, nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh, vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Kim Hoài B, bị cáo Lâm Hồng H, bị cáo Nguyễn Hữu L, bị cáo Thạch Thị Sâm N và bị cáo Thạch Thị V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị cáo Thạch Thị V; bị cáo Thạch Thị Sâm N và bị cáo Nguyễn Hữu L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị Sâm N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị V từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L và Kim Hoài B mỗi bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị Sâm N và Lâm Hồng H mỗi bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt chung đối với 02 tội đối với bị cáo Thạch Thị V từ 10 năm đến 12 năm tù, bị cáo Thạch Thị Sâm N từ 09 năm đến 11 năm tù; bị cáo Nguyễn Hữu L từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù;

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 01 ĐTDĐ nhãn hiệu IPHONE X của bị cáo Thạch Thị V và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung của bị cáo L. Vì đây là phương tiện liên lạc nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị tịch thu chất ma túy sau giám định và dụng cụ sử dụng ma túy để tiêu hủy.

Đề nghị trả lại cho bị cáo V 01 xe mô tô biển kiểm soát: 83D1 - 156.96, nhãn hiệu HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: xanh – đen – bạc.

Về án phí đề nghị buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V không tự bào chữa. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu L đề nghị đại diện Viện kiểm sát cho biết bị cáo bị truy tố với vai trò đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đồng phạm như thế nào, bị cáo không hiểu.

- *Người bào chữa cho bị cáo Kim Hoài B phát biểu:* Bị cáo Kim Hoài B có trình độ học vấn chỉ lớp 3/12 và cũng là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên việc tiếp cận pháp luật có phần bị hạn chế, bị cáo có 02 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, đã hợp tác tốt với Cơ quan điều tra để kết thúc nhanh vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Sâm N phát biểu:* Bị cáo Thạch Thị Sâm N trình bày ma túy bị cáo Sâm N giao nộp cho Công an khi bị bắt quả tang có nguồn gốc của bị cáo V là có cơ sở, bởi vì: Quá trình điều tra vụ án bị cáo Sâm N luôn trình bày thống nhất là trên đường đi từ nhà nghỉ B Trang đến nhà bị cáo Lâm Hồng H thì bị cáo V ngồi sau xe đã nhét ma túy vào áo ngực của N và kêu N cất dùm. Bị cáo V chối tội và cho rằng không quen biết, không đi chung với bị cáo Sâm N, nhưng qua lời khai của gia đình bị cáo V, lời khai của chủ nhà nghỉ B Trang, lời khai của bị cáo L là người mở cửa đón bị cáo V vào nhà đêm 13/6/2022 cũng như lời khai của bị cáo H chủ nhà và anh Nhan Tí có mặt tại hiện trường vụ án đều

khăng định bị cáo V và bị cáo Sâm N đi cùng nhau. Khi đến nhà bị cáo H thì bị cáo Sâm N đã đưa lại ma túy cho bị cáo V cất, nhưng bị cáo V nói “em cất dùm đi không sao đâu”. Sau đó, bị cáo V đã chủ động hỏi bị cáo B chủ nhà là bình đầu (tức hỏi bình để sử dụng ma túy) và bị cáo V quay sang kêu bị cáo Sâm N đưa ma túy cho V để V đưa cho L lấy ra một phần sử dụng. Việc này là phù hợp với lời khai của bị cáo L và bị cáo H, nếu như bị cáo V không gửi ma túy cho bị cáo Sâm N cất dùm thì tại sao bị cáo V lại kêu N đồ đâu đưa đây. Xét về tính chất thì ma túy không phải của bị cáo N. Xét về nhân thân, bị cáo Sâm N đã hợp tác tốt với Cơ quan điều tra, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên am hiểu pháp luật có phần bị hạn chế, khi phạm tội bị cáo có thai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị miễn án phí cho bị cáo Sâm N.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị V phát biểu:* Chúng cứ buộc tội bị cáo Thạch Thị V về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là còn yếu, bởi vì: Biên bản bắt người phạm tội quả tang thiếu tính khách quan do không có người chứng kiến, các bị cáo đều đã sử dụng ma túy (say ma túy) nên lời trình bày của họ khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang là không B đảm sự minh mẫn để cung cấp lời khai; lời khai 02 người làm chứng ghi trong biên bản là anh Hảo, anh Nhan Tí cũng bị say ma túy, khi lập biên bản không cách ly từng người ra mà để ngồi chung. Bị cáo Sâm N khai dọc đường đi đến nhà bị cáo B thì bị cáo V nhét ma túy vào áo ngực bị cáo N, nhưng hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện có truy xuất camera để chứng minh việc này là có hay không có; lời khai các bị cáo L và B mâu thuẫn nhau, Cơ quan điều tra không giám định dấu vân tay trên gói ma túy do Sâm N giao nộp xem có dấu vân tay của bị cáo V hay không, khi mở niêm phong giám định ma túy không có mặt bị cáo V, bị cáo L chứng kiến là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về mở niêm phong vật chứng. Tin nhắn của bị cáo V nhắn cho bị cáo L là nhắn trong lúc say ma túy nên không thể căn cứ vào các tin nhắn để suy luận có nhắn tin là V phải có cất giữ ma túy. Bị cáo Sâm N và Cơ quan điều tra không có chứng cứ vật chất để chứng minh V giao ma túy cho Sâm N từ khi nào, tại đâu. Việc căn cứ vào lời khai của bị cáo khác là chứng cứ gián tiếp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13 Bộ luật tố tụng Hình sự suy đoán bị cáo V không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” người bào chữa không tranh luận. Nếu như Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết tội bị cáo V thì đề nghị xem xét nhân thân bị cáo V là người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer), trình độ học vấn thấp nên am hiểu pháp luật có phần bị hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện người có công với cách mạng.

- *Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp bị cáo Nguyễn Hữu L như sau:* Bị cáo là người trực tiếp tham gia vào công đoạn lao chùi bình để sử dụng ma túy, bị cáo còn có vai trò đổ ma túy vào nấu lên cho các bị cáo khác và anh Nhan Tí, anh Hảo cùng sử dụng nên hành vi của bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác trong tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Nguyễn Hữu L chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận bổ sung.

- *Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Sâm N và bị cáo Kim Hoài B như sau:* Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Kim Hoài B và bị cáo Thạch Thị Sâm N là đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ và đánh giá đầy đủ nhân thân, tính chất, mức độ, nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh và hành vi của từng bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị V như sau:* Đoạn đường từ nhà nghỉ B Trang đến hiện trường vụ án (nhà của bị cáo H) khá dài và có đoạn vào đường nông thôn không có camera công cộng, bị cáo N không phải người của địa phương Trà Cú (Duyên Hải) và bị cáo Sâm N không xác định được bị cáo V đưa ma túy cho Sâm N cất giữ tại đoạn đường nào, vụ việc diễn ra vào ban đêm nên việc xác định vị trí để trích xuất dữ liệu camera là không thể thực hiện được. Đối với biên bản bắt người phạm tội quả tang được Cơ quan điều tra lập đúng theo Điều 115, 133 Bộ luật tố tụng hình sự; biên bản biên bản bắt người phạm tội quả tang không phải là chứng cứ duy nhất trong hồ sơ vụ án mà Viện kiểm sát dùng để kết tội các bị cáo, trong đó có bị cáo V. Mặt dù, trong lúc bắt quả tang các bị cáo đều có sử dụng ma túy, có thể cung cấp lời khai chưa đảm B, nhưng sau đó có rất nhiều biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can trong lúc các bị can hoàn toàn tỉnh táo và các lời khai đó đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không ai thay đổi lời khai và lời khai của các bị cáo là phù hợp nhau, không mâu thuẫn như người bào chữa cho bị cáo V nêu mà chỉ lời khai của bị cáo V mới không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Khi mở niêm phong không có mặt bị cáo L và bị cáo V là do khi thu giữ ma túy của người nào thì khi mở niêm phong có người đó chứng kiến, hồ sơ ban đầu bị cáo V và bị cáo L không thừa nhận ma túy của mình nên không có mặt bị cáo B, bị cáo L và bị cáo V khi chứng kiến mở niêm phong giám định. Việc mở niêm phong đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra có dùng máy soi chuyên dụng để thu dấu vân tay trên gói ma túy do bị cáo Sâm N giao nộp, nhưng không thu được dấu vân tay, do gói ma túy đã được gói trong khẩu trang và bị cáo N để vào áo ngực thấm ướt mồ hôi, tiếp xúc với cơ thể nên dấu vân tay không còn nguyên vẹn không thể thu thập được, việc giám định dấu vân tay chỉ thực hiện khi thu được dấu vân tay. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung các tin nhắn giữa bị cáo V với bị cáo L, lời khai của bị cáo L, bị cáo H và Sâm N và anh Nhan Tí trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là phù hợp với nhau và đều trình bày đã nghe V kêu bị cáo N đưa “đồ” cho bị cáo V để bị cáo V đưa cho L nấu lên sử dụng, số còn lại V giao lại cho N và kêu N cất giấu nên có đủ chứng cứ để xác định ma túy Sâm N giao nộp cho Công an có nguồn gốc là của bị cáo V giao Sâm N cất giấu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC truy tố bị cáo V thêm tội tàng trữ trái phép chất ma túy là đảm B có chứng cứ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị V phát biểu đối đáp:* Viện kiểm sát không thể suy luận bị cáo V đi chung xe với bị cáo N thì là V có giao ma túy cho bị cáo N mà phải cần có chứng cứ vật chất, trực tiếp để chứng minh để không bỏ lọt

người, lọt tội và cũng không làm oan người không có tội.

Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt, riêng bị cáo V đề nghị xem xét vì không nghĩ sử dụng ma túy mà hình phạt nặng đến như vậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Việc Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng, thu giữ điện thoại của các bị cáo đều được niêm phong đúng quy định tại Điều 90 Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ vào biên bản kiểm tra điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Hữu L ngày 14/6/2022 có nhiều nội dung tin nhắn trong Zalo (bút lục 75 đến 91) qua lại giữa bị cáo V với bị cáo Nguyễn Hữu L, thể hiện bị cáo V và bị cáo L có quen biết và quan hệ tình cảm nam nữ như bị cáo L trình bày là đúng. Theo lời khai của bà **Danh** Thị Tung là mẹ ruột của bị cáo V (bút lục 455) trình bày bị cáo V có dẫn bị cáo Sâm N (tên gọi khác Hằng) về nhà bà chơi, theo lời khai của bà Dương B Trang (bút lục 479) là chủ Nhà nghỉ B Trang xác nhận qua nhận dạng vào tối ngày 13/6/2022 bị cáo V và bị cáo Sâm N có đến Nhà nghỉ của bà thuê phòng nghỉ, sau đó thì cả hai rời đi bằng xe máy AIRBLADE, đến khuya ngày 13/6/2022 thì Công an gọi điện thoại hỏi thông tin về việc bị cáo V thuê nhà nghỉ thì bà mới biết bị cáo V và Sâm N bị bắt. Theo tin nhắn qua Zalo của bị cáo V cho bị cáo L lúc 17 giờ 52 phút ngày 13/6/2022 thể hiện bị cáo V nhắn “Chút nữa em ghé B Trang”, bị cáo L nhắn tin hỏi “Ghé B trang làm j” thì bị cáo V trả lời cho “Bé Hằng nó ở” (bút lục 81). Xét những nội dung tin nhắn nói trên tồn tại khách quan, được thu thập hợp pháp và có tính liên quan đến vụ án nên đảm bảo tính của chứng cứ. Như vậy, có chứng cứ xác định bị cáo V và bị cáo N đã quen biết và trực tiếp gặp mặt nhau nhiều lần. Mặt khác, căn cứ lời khai của bị cáo L, H, B và anh Nhan Tí đều khẳng định bị cáo V và bị cáo Sâm N cùng đi chung xe máy đến nhà bị cáo H vào buổi tối ngày 13/6/2022, bị cáo L trình bày khi vào nhà bị cáo B thì bị cáo L ra mở cửa thì thấy bị cáo Sâm N dẫn xe vào nhà, bị cáo V đi sau, trong khuôn viên nhà bị cáo B lúc này không còn có xe máy nào khác, tình tiết này phù hợp với lời khai của bị cáo Sâm N cho rằng trên đường đi từ nhà nghỉ B Trang đến hiện trường vụ án bị cáo Sâm N là người điều khiển xe chở bị cáo V ngồi sau. Qua lời khai thống nhất của bị cáo L, bị cáo Sâm N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ chứng cứ chứng minh bị cáo V có quen biết đã từng gặp mặt bị cáo L với bị cáo Sâm N từ trước đêm 13/6/2022 và có đủ căn cứ xác định bị cáo V cùng bị cáo N đi đến nhà bị cáo H bằng xe máy của bị cáo V vào buổi tối của ngày 13/6/2022. Việc bị cáo V cho rằng chưa gặp mặt bị cáo L trước và không đi chung xe với bị cáo Sâm N đến hiện trường vụ án ngày 13/6/2022 là không phù hợp với chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

[2] Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13/6/2022 và qua tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N, Nguyễn Hữu L, Kim Hoài B, Lâm Hồng H và anh Nhan Tí, anh Ngô Văn Hảo đều thừa nhận có cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của vợ chồng bị cáo B. Kết quả kiểm tra chất ma túy trong cơ thể từng bị cáo trong vụ án thì tất cả các bị cáo đều dương tính

với chất ma túy. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Thạch Thị Sâm N, Nguyễn Hữu L, Kim Hoài B, Lâm Hồng H là phù hợp với hiện trường án, phù hợp với thời gian các bị cáo có mặt tại hiện trường vụ án, phù hợp lời khai của anh Nhan Tí và anh Ngô Văn Hảo và vật chứng thu giữ được.

[3] Đối với số ma túy mà các bị cáo cùng nhau sử dụng cũng như ma túy mà bị cáo N tự nguyện lấy trong áo ngực ra giao 02 gói nhựa màu trắng và 01 ống thủy tinh, bên trong các gói nhựa, nỏ (ống thủy tinh) đều có chứa chất tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 3,0104 gam:

Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC truy tố cho rằng nguồn gốc số ma túy này của bị cáo V gửi bị cáo N cất giữ dùm lúc trên xe là có căn cứ, phù hợp với các hành vi khách quan của bị cáo V, được chứng minh theo nội dung tin nhắn qua Zalo của bị cáo V cho bị cáo L từ lúc 19 giờ 45 phút đến 20 giờ 38 phút ngày 13/6/2022, thể hiện có nhiều nội dung bị cáo L kêu bị cáo V đem ma túy (tiếng lóng gọi là “Đồ 12s”) theo để tặng cho vợ chồng bị cáo B đêm 13/6/2022 và bị cáo V đã nhắn tin qua Zalo trả lời bị cáo L là đồng ý, sau đó không thể hiện có nội dung tin nhắn nào khác thể hiện bị cáo V nhắn cho bị cáo L là V thay đổi ý định không đem theo ma túy cho vợ chồng bị cáo B, việc này còn được chứng minh qua tin nhắn thể hiện trước khi bị bắt quả tang thì lúc 21 giờ 11 phút ngày 13/6/2022 bị cáo V nhắn tin cho bị cáo L có nội dung: “Gio e đưa đồ cho nó nhe” ngay sau đó bị cáo L trả lời tin nhắn “uh e, nói là gửi cho vợ chồng nó chơi”. Tuy nhiên, bị cáo V chưa kịp giao ma túy cho vợ chồng của bị cáo B và bị cáo H thì đã bị Công an vào kiểm tra bắt quả tang.

Các nội dung tin nhắn trên Zalo của bị cáo V, bị cáo L tồn tại trong điện thoại di động cá nhân của bị cáo V, bị cáo L là khách quan, phù hợp với các biên bản lấy lời khai của bị cáo L và lời khai bị cáo Sâm N trình bày. Quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo L, bị cáo N, bị cáo H, anh Nhan Tí đều có lời khai thống nhất với nhau là khi bị cáo V vào nhà bị cáo H thì nghe được và nhìn thấy bị cáo V kêu bị cáo N đưa ma túy để bị cáo V đưa cho L bỏ vào nỏ đốt lên sử dụng, số ma túy còn lại bị cáo V đưa lại cho bị cáo Sâm N cất giữ dùm. Như vậy, có đủ chứng cứ chứng minh số ma túy mà bị cáo Sâm N để trong áo ngực đã giao nộp cho Công an khi bị bắt quả tang là của bị cáo V đã giao cho bị cáo Sâm N cất dùm. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm tranh luận, đối đáp của đại diện Viện kiểm sát với người bào chữa cho bị cáo V là có cơ sở, phù hợp với hành vi khách quan của bị cáo V nên có căn cứ để chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo V đề nghị áp dụng quy định của Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự để suy đoán bị cáo V không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không có cơ sở chấp nhận, vì không phù hợp với hành vi khách quan của bị cáo V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Thạch Thị V không nhận tội, người bào chữa cho bị cáo V cho rằng bị cáo V không phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Qua tranh tụng, đối đáp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy quan điểm đối đáp của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với hành vi khách quan của các bị cáo và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy Cơ quan Điều tra Công an huyện TrC và Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC có đủ

chứng cứ để chứng minh: Vào 21 giờ 15 phút ngày 13/6/2022, tại ấp TrTr, xã HG, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H đã dùng địa điểm nhà ở của mình để làm nơi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác, bị cáo B còn cung cấp dụng cụ (bình) sử dụng ma túy cho các bị cáo khác và anh Nhan Tí, anh Hảo cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo L là người trực tiếp đổ ma túy vào bình và nấu lên cho người khác sử dụng theo sự chỉ huy, phân công của bị cáo V. Bị cáo Sâm N có vai trò đồng phạm cất giữ dùm ma túy cho bị cáo V để bị cáo V cung cấp ma túy cho bị cáo L nấu lên cùng nhau sử dụng; những hành vi phân tích như trên là những hành vi khách quan của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác đã được quy định Điều 255 Bộ luật Hình sự. Qua kiểm tra lực lượng Công an còn phát hiện, thu giữ của bị cáo L tại hiện trường vụ án tổng khối lượng ma túy, loại Methamphetamine qua giám định là **1,0267 gam và thu giữ 3,0247 gam** ma túy, loại Methamphetamine của bị cáo V gửi bị cáo N cất giữ dùm. Mục đích tàng trữ số lượng ma túy trên của các bị cáo L, V và Sâm N không nhằm để mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép mà nhằm để sử dụng.

[5] Xét thấy hành vi của 05 bị cáo trong vụ án đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức rõ mình thực hiện hành vi tổ chức để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác và tàng trữ trái phép chất ma túy là gây nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm và quy định đó là tội phạm nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC truy tố hành vi của bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Bị cáo L còn có hành vi tàng trữ 08 đoạn ống nhựa (thu trong ngăn tủ dưới bàn tại hiện trường) chứa ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,0267 gam. Bị cáo Thạch Thị Sâm N giúp sức cho bị cáo V tàng trữ chất ma túy **qua giám định có khối lượng 3,0104 gam**. Do đó, hành vi của các bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N và Nguyễn Hữu L còn phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[7] Tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V thực hiện là rất nghiêm trọng; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” các bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N và Nguyễn Hữu L thực hiện là nghiêm trọng. Bị cáo Kim Hoài B, Nguyễn Hữu L là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện TrC kết án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N, Lâm Hồng H chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Để góp phần B đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, B vệ cuộc sống bình yên, lành mạnh và hạnh phúc của Nhân dân thì hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn, tiếp tục

cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm để giúp các bị cáo có thời gian cai nghiện bắt buộc và nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội đối với những hành vi tương tự.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra, truy tố, xét xử các Kim Hoài B, Thạch Thị Sâm N và Nguyễn Hữu L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Kim Hoài B, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V là người dân tộc thiểu số (Khmer) có trình độ học vấn thấp so với mặt bằng chung nên nhận thức pháp luật phần bị hạn chế. Bị cáo H và Sâm N thực hiện hành vi phạm tội trong lúc đang có thai, bị cáo V có thân nhân là gia đình có công với nước. Đối với bị cáo Lâm Hồng H có thái độ thành khẩn khai báo, nhưng không biết ăn năn hối cải; lại tiếp tục phạm tội mới trong thời gian nghị án kéo dài. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo tương ứng với các quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thạch Thị V, Thạch Thị Sâm N, Lâm Hồng H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Kim Hoài B, Nguyễn Hữu L đã bị Tòa án nhân dân huyện TrC kết án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Về vật chứng: Chất ma túy thu giữ được (sau khi đã lấy ra một phần để giám định) là chất cấm sử dụng và các dụng cụ sử dụng ma túy là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy. Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu IPHONE X màu trắng, có số IMEI: 356720088552887712, đang sử dụng sim số: 0938.289233 của bị cáo Thạch Thị V; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, đang sử dụng sim số: 0967937224 của bị cáo Nguyễn Hữu L qua kiểm tra có thông tin liên lạc với nhau để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 83D1 - 156.96, nhãn hiệu HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: xanh – đen – bạc của bị cáo V, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, có 02 số IMEI: 866376041525970 và 866376041525962 của bị cáo Kim Hoài B xét không phải phương tiện dùng trực tiếp để phạm tội nên trả lại cho bị cáo V, bị cáo B.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Kim Hoài B, Thạch Thị Sâm N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự cho các bị cáo này.

[12] Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo Kim Hoài B, Thạch Thị Sâm N, Thạch Thị V trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng: Bị cáo Thạch Thị V không nhận tội, nhưng không khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; hành vi của những người bào chữa được thực hiện đúng

trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp pháp. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo V nêu các hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra về việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang không đảm bảo trình tự, thủ tục và tính khách quan của chứng cứ, không truy xuất camera, không lấy dấu vân tay, không có mặt bị cáo V, L khi mở niêm phong giám định... đã nêu trong phần tranh luận đã được đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Kim Hoài B, bị cáo Lâm Hồng H, bị cáo Nguyễn Hữu L, bị cáo Thạch Thị Sâm N và bị cáo Thạch Thị V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị V 08 (tám) năm tù.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Kim Hoài B bị cáo 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 08 (tám) năm tù.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị Sâm N 07 (bảy) năm tù.

Xử phạt bị cáo Lâm Hồng H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tuyên bố: Các bị cáo bị cáo Nguyễn Hữu L, bị cáo Thạch Thị Sâm N và bị cáo Thạch Thị V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Thạch Thị Sâm N 02 (hai) năm tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt như sau:

- Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hình phạt 02 (hai) năm 06 tháng tù của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Thạch Thị V phải chấp hành hình phạt chung bằng 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2022;

- Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hình phạt 02 (hai) năm 06 tháng tù của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chấp hành hình phạt chung bằng 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2022;

- Tổng hợp hình phạt 07 (năm) năm tù của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hình phạt 02 (hai) năm tù của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Thạch Thị Sâm N phải chấp hành hình phạt chung bằng 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2022;

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy vật chứng vụ án sau đây:

- 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng để trong phong bì niêm phong số: 339/MA ghi ngày 16/6/2022 với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH và các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Mạnh, Trần Văn Hiếu.

- Tinh thể (sau giám định) có khối lượng 0,4296 gam được để trong phong bì niêm phong số: 339/MB, ngày 16/6/2022 với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH và các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Mạnh, Trần Văn Hiếu.

- Tinh thể (sau giám định) có khối lượng 1,0039 gam được để trong phong bì niêm phong số: 339/MC, ngày 16/6/2022 với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH và các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Mạnh, Trần Văn Hiếu.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa trong suốt, có nắp bằng nhựa màu đen, trên nắp có gắn một ống nhựa màu trắng; 01 (một) hộp nhựa màu trắng; 08 (tám) đoạn ống nhựa. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3A 060335.

- 01 bật lửa màu vàng và 01 bật lửa có gắn ống kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) ống thủy tinh không rõ hình dạng; Tinh thể (sau giám định) có khối lượng 2,9900 gam để trong phong bì niêm phong số: 340/M, ghi ngày 16/6/2022 với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH và các chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Mạnh, Trần Văn Hiếu.

- 01 (một) nắp nhựa màu đỏ, trên nắp có gắn một ống nhựa màu trắng và một khẩu trang màu trắng – xanh, đã qua sử dụng. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3A 060334.

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại và nhiều ống nhựa (ống hút) có kích thước, màu sắc khác nhau, được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS2A 045152.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng sau đây:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh đen, có 02 số IMEI: 35562911159219901 và 35563011159219701, đang sử dụng sim số: 0967.937224, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3A 060342 (của bị cáo L).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X màu trắng, có số IMEI: 356720088552887712, đang sử dụng sim số: 0938.289233, đã qua sử dụng. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3A 060337 (của bị cáo V).

Trả lại cho bị cáo Thạch Thị V 01 (một) xe mô tô biển số: 83D1 – 156.96, nhãn hiệu HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: Xanh – đen – bạc, số máy JF63E1582215, số khung RLHJF6304FZ228105, xe đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Kim Hoài B 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, có 02 số IMEI: 866376041525970 và 866376041525962, đang sử dụng 02 sim số: 0933060119 và 0977402220, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số: PS3A 060335.

Về án phí: Buộc bị cáo Thạch Thị V, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kim Hoài B và bị cáo Thạch Thị Sâm N.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Kim Hoài B, Lâm Hồng H, Nguyễn Hữu L, Thạch Thị Sâm N và Thạch Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện TrC;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện TrC;
- Cơ quan THAHSCA huyện TrC;
- Cơ quan THADS huyện TrC;
- Nhà tạm giữ CA huyện TrC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

